

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18 tháng 3 năm 2019

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn

2. Bà Phạm Thị Hải Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn G, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Đào Văn H, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Chị T có mặt, anh H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đào Văn H kết hôn ngày 07/12/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu. Khi kết hôn, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh H

không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con về kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng trầm trọng, từ năm 2017 (sau khi chị sinh con thứ hai) thì chị chuyển về nhà ngoại ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống được với nhau, chị yêu cầu ly hôn anh Đào Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thị H1, sinh ngày 17/9/2013 và Đào Thị K, sinh ngày 11/9/2017, hai con chung ở cùng chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Khi vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị làm công nhân tại Công ty Cổ phần X, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đào Văn H trình bày: Anh đã được nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án. Về quan hệ vợ chồng, anh và Chị T kết hôn năm 2012. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc hay lừa dối, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thành phố B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Trường hợp Chị T cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm phải xuất phát từ hai phía.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thị H1, sinh ngày 17/9/2013 và Đào Thị K, sinh ngày 11/9/2017, hiện hai con chung đang ở cùng Chị T. Khi vợ chồng ly hôn, Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn H.

- Về con chung: Giao hai con chung là Đào Thị H1, sinh ngày 17/9/2013 và Đào Thị K, sinh ngày 11/9/2017 cho Chị T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là anh Đào Văn H có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh H.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn H kết hôn ngày 07/12/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh H đồng ý ly hôn trong trường hợp Chị T cương quyết ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T, cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn H (Theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình).

[3]- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đào Thị H1, sinh ngày 17/9/2013 và Đào Thị K, sinh ngày 11/9/2017, hiện hai con chung đang ở cùng Chị T. Khi vợ chồng ly hôn, Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh H đồng ý với yêu cầu này của Chị T. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu về con chung của Chị T, cần giao hai con chung là Đào Thị H1, sinh ngày 17/9/2013 và Đào Thị K, sinh ngày 11/9/2017 cho Chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. (Theo Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Đào Thị H1, sinh ngày 17/9/2013 và Đào Thị K, sinh ngày 11/9/2017 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000165 ngày 03/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
 - CCTHA-DS TP B;
 - TAND tỉnh Bắc Giang;
 - Các đương sự;
 - UBND xã D,
- TP B;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Chuyên